

# INTERIOR DOOR

2023-2024





# CONTENTS

GIỚI THIỆU INTRO	4
CÁC LOẠI CỬA TYPE OF DOOR	6
MẪU CỬA TIÊU CHUẨN STANDARD DOOR	10
CHỨNG NHẬN CERTIFICATION	13
HÌNH ỨNG DỤNG INTERIOR DOOR	16
PHỤ KIỆN DOOR HARDWARE	68
MÀU SẮC TIÊU CHUẨN TECHNICAL DATA	74

# INTERIOR



# DOOR



## **ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI** **OUTSTANDING FEATURES**

---

**ĐỘ BỀN VÀ CHẤT LƯỢNG CAO**  
**DURABLE AND HIGH QUALITY**

---

**THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG**  
**FRIENDLY TO ENVIRONMENT**

---

**HẠN CHẾ CONG VÊN**  
**LESS BENDING**

---

**NHẸ, DỄ VẬN CHUYỂN**  
**VÀ LẮP ĐẶT**  
**LIGHT WEIGHT, EASY FOR**  
**TRANSPORTING AND INSTALLING**

---

**TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ**  
**COST OPTIMIZING**

---

**SẢN XUẤT HÀNG LOẠT BẰNG DÂY**  
**CHUYỀN MÁY MÓC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**HIỆN ĐẠI TỪ ĐỨC**

**MASSIVELY MANUFACTURED WITH**  
**MACHINERY SYSTEM AND MODERN**  
**TECHNOLOGY FROM GERMANY**

# CÁC LOẠI CỬA TYPE OF DOOR

## CỬA GỖ CHỐNG ẨM MOISTURE RESISTANT DOOR

KÍCH THƯỚC KHUNG BAO <small>DOOR FRAME DIMENSION</small>	KÍCH THƯỚC Ô CHỜ TƯỜNG <small>WALL FRAME DIMENSION</small>	VẬT LIỆU <small>MATERIAL</small>
W900 X H2200 X D110 -> 240MM	W920 X H2210 X D110 -> 240MM	MELAMINE / LAMINATE

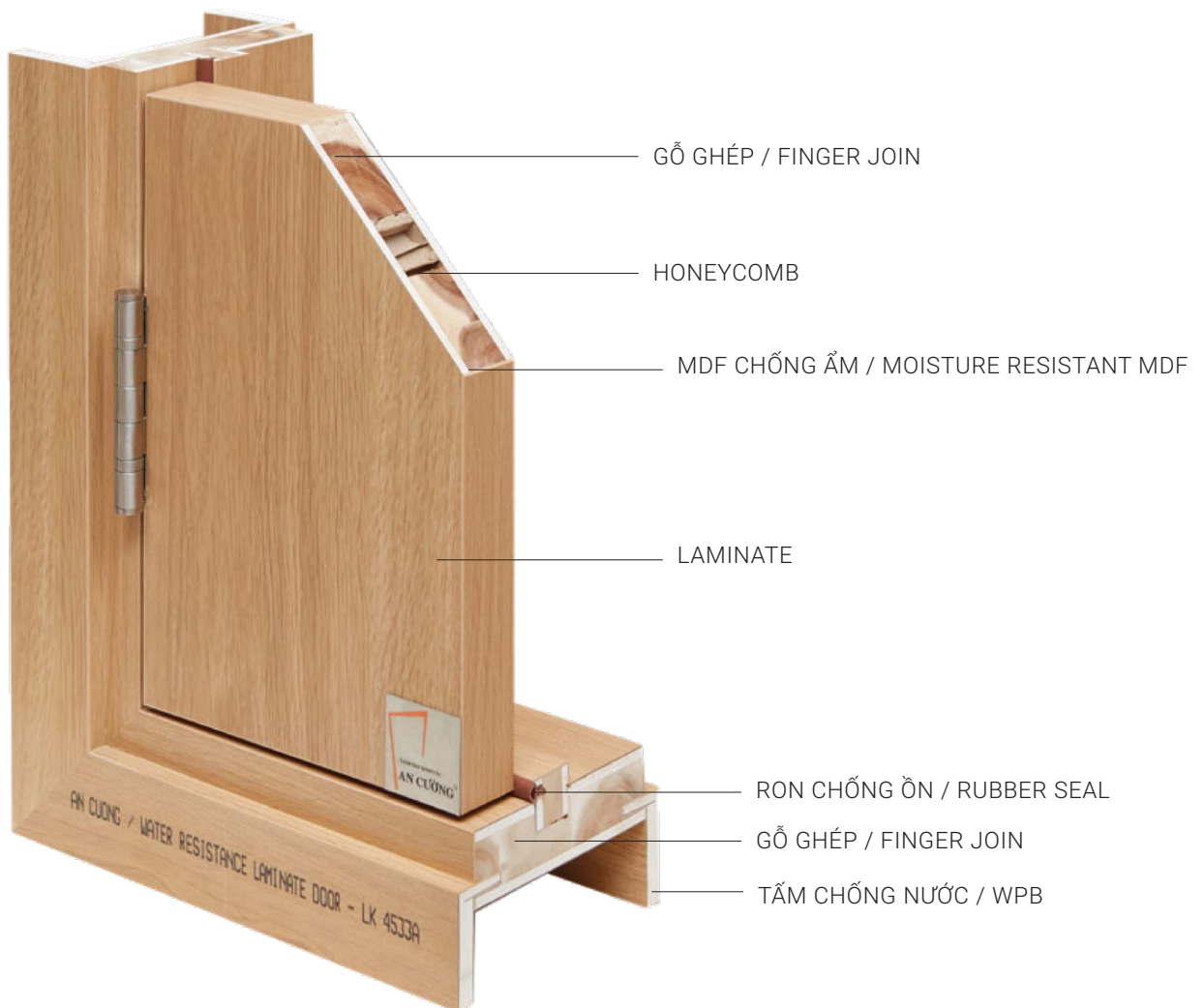




# CỬA GỖ CHỐNG NƯỚC

WATER RESISTANT DOOR

KÍCH THƯỚC KHUNG BAO DOOR FRAME DIMENSION	KÍCH THƯỚC Ô CHỜ TƯỜNG WALL FRAME DIMENSION	VẬT LIỆU MATERIAL
W800 X H2200 X D110 -> 240MM	W820 X H2210 X D110 -> 240MM	LAMINATE



# CÁC LOẠI CỬA TYPE OF DOOR

## CỬA GỖ CHỐNG CHÁY FIRE RESISTANT DOOR

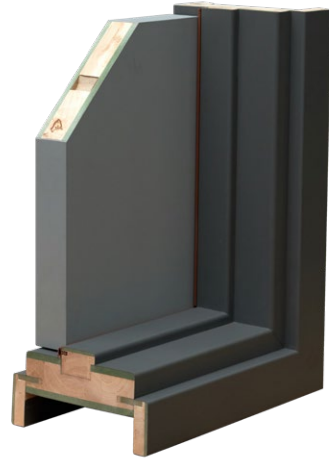
KÍCH THƯỚC KHUNG BAO <small>DOOR FRAME DIMENSION</small>	KÍCH THƯỚC Ô CHỜ TƯỜNG <small>WALL FRAME DIMENSION</small>	VẬT LIỆU <small>MATERIAL</small>
W900 X H2200 X D110	W920 X H2210 X D110	LAMINATE
W1000 X H2200 X D210	W1020 X H2210 X D210	LAMINATE



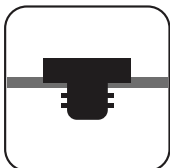


# KẾT CẤU TIÊU CHUẨN STANDARD DOORS

KIỂU KHUNG BAO / CHẶN CỬA / NỆP CỬA  
**FRAME / DOOR STOPPER / CASING**

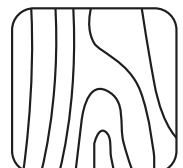


KIỂU NỆP TƯỜNG  
**CASING**



NỆP NHÔM CHỮ T  
**ALUMINIUM T PROFILE**

CHIỀU VÂN  
**DIRECTION**



# MẪU CỬA TIÊU BIỂU

STANDARD  
DOORS



DR1



DR2



DR3





**DR4**



**H1**



**H2**



**H3**



**H4**



**H5**



# MẪU CỬA TIÊU BIỂU

STANDARD  
DOORS



H6



H7



H8



H9



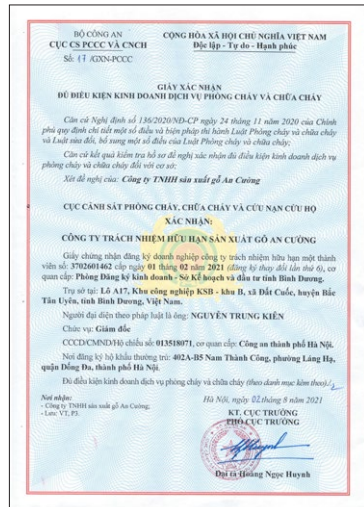
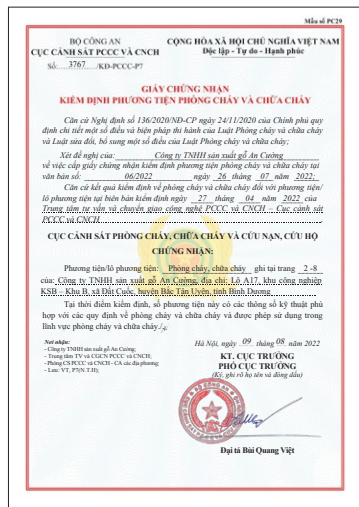
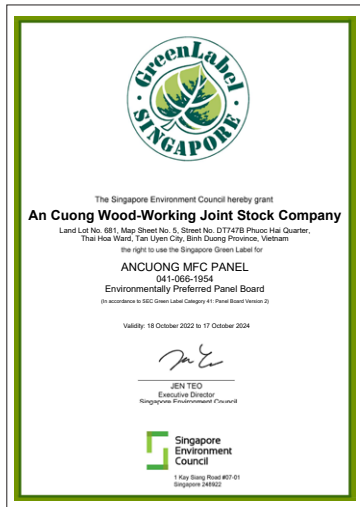
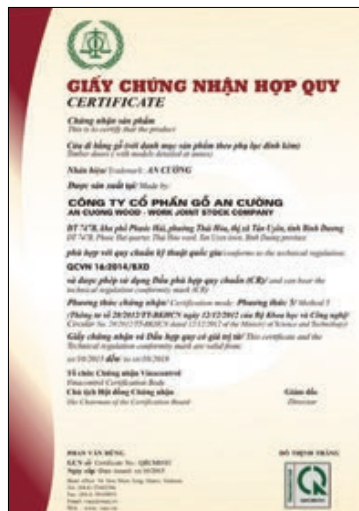
H10



H11



# CHỨNG NHẬN CERTIFICATION









# INTERIOR DOOR



- ↑  MELAMINE MS 475 NWM 🌿  
LAMINATE LK 4598 A 🌿💧🔥
-  MELAMINE MS 480 SHG 🌿  
LAMINATE LK 4424 A 🌿💧🔥







H1





- ↑  MELAMINE MS 481 NWM & 4034 T 🌿  
 LAMINATE LK 4601 A & 4034 T 💧🔥
- ←  MELAMINE MS 478 SGH & 4035 T 🌿  
 LAMINATE LK 4423 A & 4035 T 💧🔥





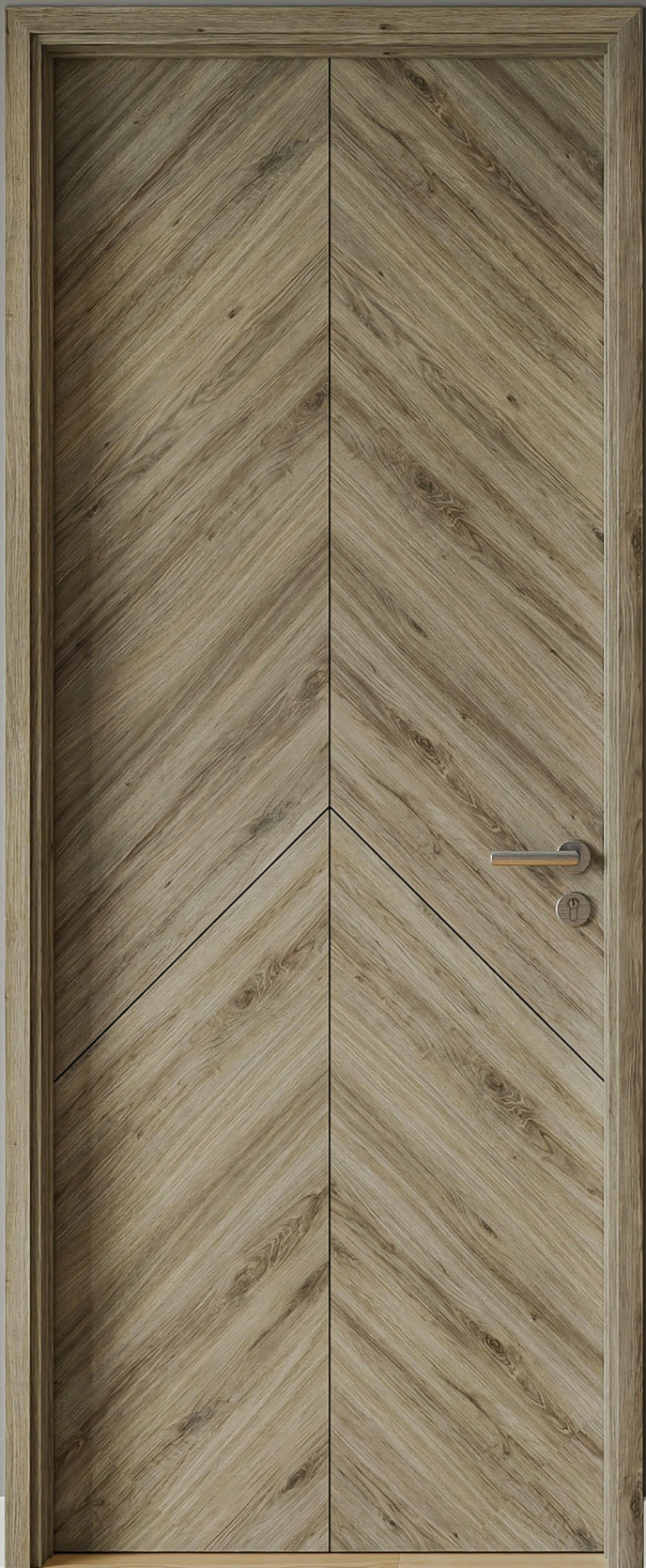


MELAMINE MS 476 SHG & 4032 T 🌿

LAMINATE LK 4425 A & 4032 T 🌿💧



- ↑  MELAMINE MS 475 NWM 🌿  
LAMINATE LK 4598 A 🌿💧🔥
-  MELAMINE MS 466 SC04 🌿  
LAMINATE LK 4587 A 🌿💧🔥











MELAMINE MS 479 NWM 🌿  
LAMINATE LK 4599 A 🌿💧🔥



- ↑

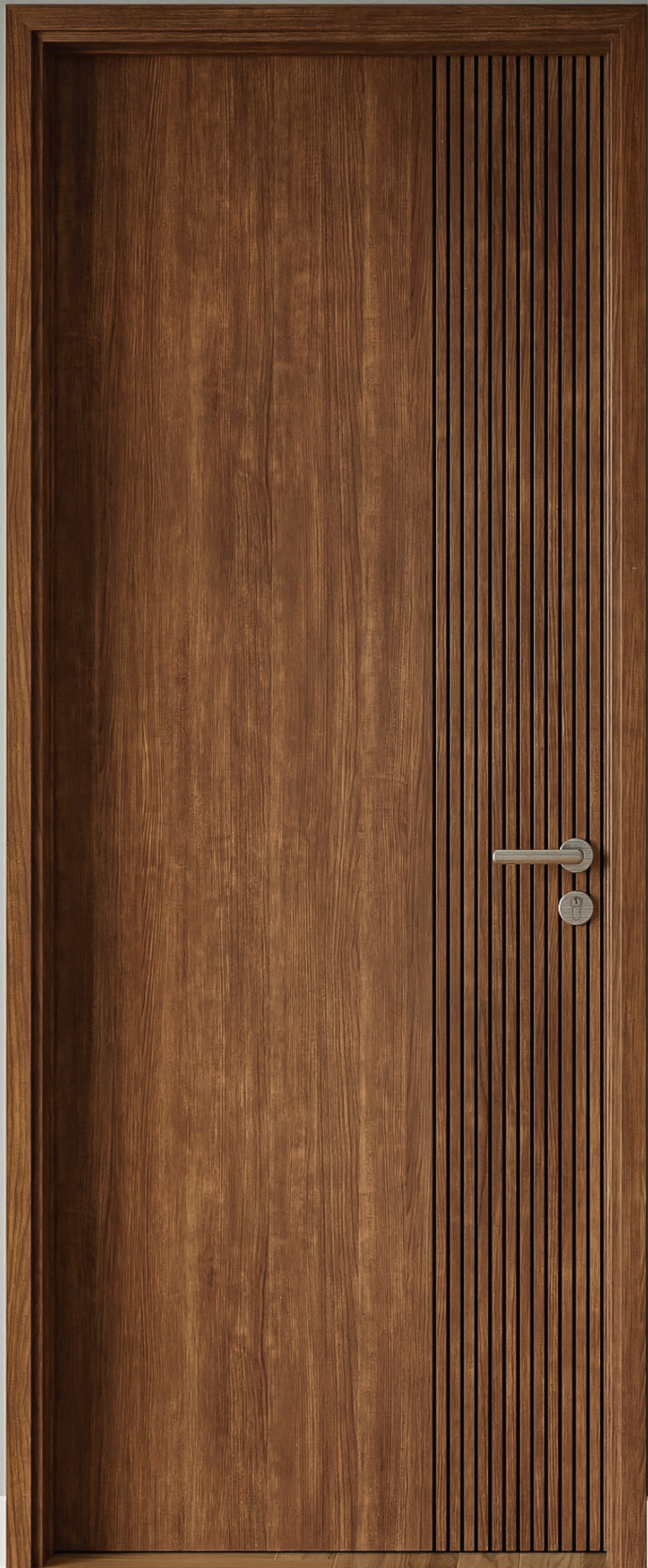


**MELAMINE** MS 475 NWM 🌿

**LAMINATE** LK 4598 A 🌿💧🔥
- 

**MELAMINE** MS 476 SHG 🌿

**LAMINATE** LK 4425 A 🌿💧







MELAMINE MS 455 NWM 🌿  
LAMINATE LK 4585 A 🌿💧



MELAMINE MS 421 RM 🌿  
LAMINATE LK 4452 A 🌿💧



MELAMINE MS 476 SHG 🌿  
LAMINATE LK 4425 A 🌿💧




MELAMINE MS 478 SHG 🌿  
LAMINATE LK 4423 A 🌿💧




MELAMINE MS 644 RM 🌿



- ↑




MELAMINE MS 476 SHG 🌿

LAMINATE LK 4425 A 🌿💧🔥
  
- 


MELAMINE MS 478 SHG 🌿

LAMINATE LK 4423 A 🌿💧🔥









MELAMINE MS 4031 T & LL 2262 🌿



MELAMINE MS 4032 T & LL 2263 🌱



MELAMINE MS 4033 T & LL 2262 🌱





MELAMINE MS 4034 T & LL 2262 🌿



MELAMINE MS 4035 T & LL 2262 🌿



- ↑  MELAMINE MS 435 SMM & 402 PL 🌿  
LAMINATE LK 4565 A & 4514 A 🌿💧🔥
-  MELAMINE MS 405 PL & 402 PL 🌿  
LAMINATE LK 4517 A & 4514 A 🌿💧🔥









# INTERIOR DOOR









MELAMINE MS 104 SH CLASSIC 🌿  
 LAMINATE LK 1179 A CLASSIC 🌿💧🔥





- ↑  MELAMINE MS 467 SC04 🌿  
LAMINATE LK 4588 A 🌿💧
- ←  MELAMINE MS 472 SC03 🌿  
LAMINATE LK 4581 A 🌿💧



- ↑  MELAMINE MS 448 NWG 🌿  
LAMINATE LK 4509 A / LK 4510 A 🌿💧🔥
-  MELAMINE MS 611 EV 🌿  
LAMINATE LK 4533 A 💧🔥







DR1




MELAMINE MS 432 SC 🌿  
LAMINATE LK 4554 A 💧🔥





- ↑




MELAMINE MS 106 SH CLASSIC 🌿


LAMINATE LK 010 S CLASSIC 🌿💧
  
- ←

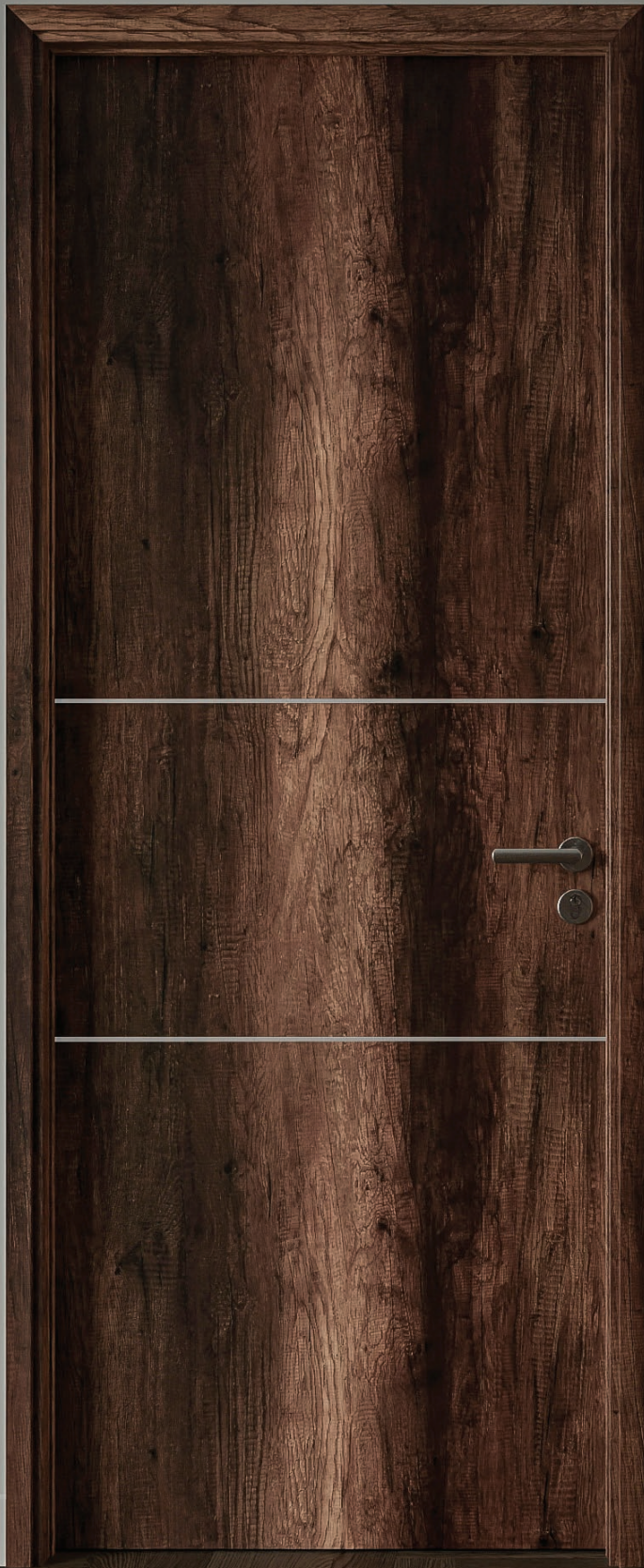



MELAMINE MS 106 SH 🌿

LAMINATE LK 010 S 🌿💧




- ↑  MELAMINE MS 404 PL 🌿  
LAMINATE LK 4516 A 💧
-  MELAMINE MS 444 RL 🌿  
LAMINATE LK 4571 A 💧





DR3





- ↑  MELAMINE MS 407 PL 🌿  
LAMINATE LK 4519 A 🌿💧
- ←  MELAMINE MS 443 RL 🌿  
LAMINATE LK 4570 A 🌿💧



- ↑  MELAMINE MS 104 SH 🌿  
LAMINATE LK 1179 A 💧
-  MELAMINE MS 433 SMM 🌿  
LAMINATE LK 4563 A 💧









LACQUERED LAMINATE LL 2253 🌿  
 PREMIUM LAMINATE LK 2253 K 💧



LACQUERED LAMINATE LL 2254 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2254 K 💧



LACQUERED LAMINATE LL 2256 🌿  
PREMIUM LAMNINATE LL 2256 K 💧



LACQUERED LAMINATE LL 2255 🌿





LACQUERED LAMINATE LL 2257 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2257 K 💧





LACQUERED LAMINATE LL 2252 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2252 K 💧




- ↑  LACQUERED LAMINATE LL 2258 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2258 K 💧
-  LACQUERED LAMINATE LL 2262 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2262 K 💧










↑  LACQUERED LAMINATE LL 2261 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2261 K 💧

←  LACQUERED LAMINATE LL 2260 🌿  
PREMIUM LAMINATE LK 2260 K 💧

# PHỤ KIỆN CỬA

DOOR HARDWARE

## KHOÁ TRÒN

---



704.12.165  
704.12.475  
**KHOÁ TRÒN 2 ĐẦU CHÌA  
(CỬA CHÍNH)**



704.13.165  
704.13.175  
704.13.176  
704.13.476  
**KHOÁ TRÒN 1 ĐẦU CHÌA,  
1 ĐẦU BẮM (CỬA PHÒNG)**



704.11.175  
704.11.176  
**KHOÁ TRÒN 1 ĐẦU CHÌA,  
1 ĐẦU BẮM (CỬA PHÒNG)**

## PHỤ KIỆN ĐI KÈM

---



707.15.800  
**TAY ĐẨY HƠI CHO CÁNH CỬA 40-  
85KG, CÓ GIỮ CỬA**



709.11.401  
**CHẶN CỬA NAM CHÂM  
SS304**



709.44.200  
709.44.250  
**MẮT QUAN SÁT**

## SET KHOÁ 01

---



737.19.994

**TAY NẮM GẠT PHÂN THỂ  
SS304**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**



757.93.870

**RUỘT KHOÁ 1 ĐẦU CHÌA  
1 ĐẦU VẶN 70MM**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ 02

---



737.17.987

**TAY NẮM GẠT ĐẶC  
SS304**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**



757.93.870

**RUỘT KHOÁ 1 ĐẦU CHÌA  
1 ĐẦU VẶN 70MM**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ 03

---



737.17.982

**TAY NẮM GẠT ĐẶC  
SS304**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**



757.93.870

**RUỘT KHOÁ 1 ĐẦU CHÌA  
1 ĐẦU VẶN 70MM**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ O4

---



737.19.593

**TAY NẮM GẠT PHÂN THỂ  
SS304**



747.11.599

**THÂN KHOÁ**



757.93.570

**RUỘT KHOÁ 1 ĐẦU CHÌA  
1 ĐẦU VẶN TRÒN**



701.12.150

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ O5

---



717.17.186

**TAY NẮM GẠT  
NGUYÊN THỂ  
SS304**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**



757.93.870

**RUỘT KHÓA 1 ĐẦU CHÌA  
VÀ 1 ĐẦU VẶN OVAL**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ O6

---



717.19.171

**TAY NẮM GẠT NGUYÊN  
THỂ SS304**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**



757.93.870

**RUỘT KHÓA 1 ĐẦU CHÌA  
VÀ 1 ĐẦU VẶN OVAL**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ O7

---



613.92.323

**KHOÁ ĐIỆN TỬ  
PUSH & PULL**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ O8

---



613.92.218

**KHOÁ ĐIỆN TỬ**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

## SET KHOÁ O9

---



713.92.230

**KHOÁ ĐIỆN TỬ**



701.12.100

**BẢN LỀ 2BB SS304  
102 X 76 X 3 MM**

# PHỤ KIỆN CỬA CHỐNG CHÁY

## BỘ KHOÁ TAY GẠT - COMBO 1

---



737.19.994

**TAY NẮM GẠT PHÂN THỂ  
SS304**



757.93.475

**RUỘT KHOÁ 1 ĐẦU CHÌA  
1 ĐẦU VẶN 70MM**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**

## BỘ KHOÁ TAY GẠT - COMBO 2

---



737.19.995

**TAY NẮM GẠT PHÂN THỂ  
SS304**



757.92.075

**RUỘT KHOÁ 2 ĐẦU CHÌA**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**

## BỘ KHOÁ TAY GẠT - COMBO 3

---



717.17.186

**TAY NẮM GẠT  
NGUYÊN THỂ  
SS304**



757.92.080

**RUỘT KHOÁ 2 ĐẦU CHÌA**



747.11.199

**THÂN KHOÁ**





MỨC GIỚI HẠN CHỊU LỬA  
CHO DÒNG CỬA NÀY LÊN ĐẾN 90 PHÚT

## TAY CƠ ÂM



707.01.810

TAY ĐẨY HƠI  
KHÔNG GIỮ CỬA

## BẢN LỀ



701.12.900



701.16.408

BẢN LỀ ÂM

## TAY CƠ NỔI



707.15.800

TAY ĐẨY HƠI  
KHÔNG GIỮ CỬA



707.15.170

TAY ĐẨY HƠI  
KHÔNG GIỮ CỬA



707.15.160

TAY ĐẨY HƠI  
KHÔNG GIỮ CỬA



709.14.209

## KHOÁ TỬ TAY GẠT



613.92.323

VÂN TAY, MẬT MÃ,  
THẺ TỪ, CHÌA CƠ



613.92.218

VÂN TAY, MẬT MÃ,  
THẺ TỪ, CHÌA CƠ



613.91.220

MẬT MÃ, THẺ TỪ,  
CHÌA CƠ



713.99.230

VÂN TAY, MẬT MÃ,  
THẺ TỪ, CHÌA CƠ, APP\*

# MÀU SẮC TIÊU CHUẨN

		🌿 CỬA GỖ CHỐNG ẨM		💧 CỬA GỖ CHỐNG NƯỚC	🔥 CỬA GỖ CHỐNG CHÁY	
STT	KIỂU CỬA	MELAMINE	LAMINATE	LAMINATE	LAMINATE	
1	DR1	MS 467 SC04	LK 4588 A	LK 4588 A		
2		MS 472 SC03	LK 4581 A	LK 4581 A		
3		MS 432 SC	LK 4554 A	LK 4554 A	LK 4554 A	
4		MS 443 RL	LK 4570 A	LK 4570 A		
5		MS 444 RL	LK 4571 A	LK 4571 A		
6		MS 448 NWG	LK 4509 A / LK 4510 A	LK 4509 A / LK 4510 A	LK 4509 A / LK 4510 A	
7		DR2	MS 407 PL	LK 4519 A	LK 4519 A	LK 4519 A
8		DR3	MS 404 PL	LK 4516 A	LK 4516 A	LK 4516 A
9		DR4	MS 433 SMM	LK 4563 A	LK 4563 A	
10			MS 611 EV	LK 4533 A	LK 4533 A	LK 4533 A
11			MS 106 SH	LK 010 S	LK 010 S	
12			MS 106 SH CLASSIC	LK 010 S CLASSIC	LK 010 S CLASSIC	
13			MS 104 SH	LK 1179 A	LK 1179 A	LK 1179 A
14			MS 104 SH CLASSIC	LK 1179 A CLASSIC	LK 1179 A CLASSIC	
15	H1	MS 478 SHG & 4035T	LK 4423 A & 4035 T	LK 4423 A & 4035 T		
16	H2	MS 481 NWM & 4034T	LK 4601 A & 4034 T	LK 4601 A & 4034 T		
17	H3	MS 476 SHG & 4032T	LK 4425 A & 4032 T	LK 4425 A & 4032 T		
18	H4	MS 475 NWM	LK 4598 A	LK 4598 A	LK 4598 A	
19		MS 466 SC04	LK 4587 A	LK 4587 A	LK 4587 A	

TECHNICAL DATA

- \* MELAMINE VÀ LAMINATE ĐỒNG MÀU
- \* TẤT CẢ HÀNG CÓ SẴN THEO DANH SÁCH MÃ MÀU CỬA NỘI THẤT
- \* HÀNG ĐẶT: DR4 & LACQUERED LAMINATED / PREMIUM LAMINATE

		🌿 CỬA GỖ CHỐNG ẨM		💧 CỬA GỖ CHỐNG NƯỚC	🔥 CỬA GỖ CHỐNG CHÁY
STT	KIỂU CỬA	MELAMINE	LAMINATE	LAMINATE	LAMINATE
20	H5	MS 475 NWM	LK 4598 A	LK 4598 A	LK 4598 A
21		MS 480 SHG	LK 4424 A	LK 4424 A	LK 4424 A
22	H6	MS 475 NWM	LK 4598 A	LK 4598 A	LK 4598 A
23		MS 479 NWM	LK 4599 A	LK 4599 A	LK 4599 A
24	H7	MS 476 SHG	LK 4425 A	LK 4425 A	
25		MS 455 NWG	LK 4585 A	LK 4585 A	
26		MS 478 SHG	LK 4423 A	LK 4423 A	
27		MS 421 RM	LK 4452 A	LK 4452 A	
28		MS 644 RM			
29	H8	MS 476 SHG	LK 4425 A	LK 4425 A	
30	H9	MS 478 SHG	LK 4423 A	LK 4423 A	LK 4423 A
31		MS 476 SHG	LK 4425 A	LK 4425 A	LK 4425 A
32	H10	MS 4031 T & LL 2262			
33		MS 4032 T & LL 2263			
34		MS 4033 T & LL 2262			
35		MS 4034 T & LL 2262			
36		MS 4035 T & LL 2262			
37	H11	MS 405 PL & 402 PL	LK 4517 A & 4514 A	LK 4517 A & 4514 A	LK 4517 A & 4514 A
38		MS 435 SMM & 402 PL	LK 4565 A & 4514 A	LK 4565 A & 4514 A	LK 4565 A & 4514 A

# BẢNG TRA INDEX

MÃ CỬA	MÃ MÀU	TRANG
DR1	MS 104 SH CLASSIC / LK 1179 A CLASSIC	42, 43
	MS 472 SC03 / LK 4581 A	44
	MS 467 SC04 / LK 4588 A	45
	MS 448 NWG / LK 4509 A / LK 4510 A	46
	MS 611 EV / LK 4533 A	47
	MS 432 SC / LK 4554 A	48, 49
	MS 106 SH / LK 010 S	50
	MS 106 SH CLASSIC / LK 010 S CLASSIC	51
	LL 2254 / LK 2254 K	60
	LL 2256 / LK 2256 K	60
	LL 2255	61
	LL 2257 / LK 52257 K	61
	LL 2252 / LK 2252 K	62, 63
	LL 2258 / LK 2258 K	64
	LL 2262 / LK 2262 K	65
	LL 2260 / LK 2260 K	66
	LL 2261 / LK 2261 K	67
	LL 2253 / LK 2253 K	58, 59
DR2	MS 404 PL / LK 4516 A	52
	MS 444 RL / LK 4571 A	53
DR3	MS 443 RL / LK 4570 A	54
	MS 407 PL / LK 4519 A	55
DR4	MS 104 SH / LK 1179 A	56
	MS 433 SMM / LK 4563 A	57

<b>MÃ CỬA</b>	<b>MÃ MÀU</b>	<b>TRANG</b>
H1	MS 478 SHG & 4035 T / LK 4423 A & 4035 T	18
H2	MS 481 NWM & 4034 T / LK 4601 A & 4034 T	19
H3	MS 476 SHG & 4032 T / LK 4425 A & 4032 T	20, 21
H4	MS 475 NWM / LK 4598 A	22
	MS 466 SC04 / LK 4587 A	23
H5	MS 475 NWM / LK 4598 A	16
	MS 480 SHG / LK 4424 A	17
H6	MS 479 NWM / LK 4599 A	24, 25
	MS475 NWM / LK 4598 A	26
H7	MS 455 NWM / LK 4585 A	28, 29
	MS 421 RM / LK 4452 A	30
	MS 476 SHG / LK 4425 A	30
	MS 478 SHG / LK 4423 A	31
	MS 644 RM	31
H8	MS 476 SHG / LK 4425 A	27
H9	MS 476 SHG / LK 4425 A	32
	MS 478 SHG / LK 4423 A	33
H10	MS 4031 T & LL 2262	34, 35
	MS 4032 T & LL 2263	36
	MS 4033T & LL 2262	36
	MS 4034 T & LL 2262	37
	MS 4035 T & LL 2262	37
H11	MS 435 SMM & 402 PL / LK 4565 A & 4514 A	38
	MS 405 PL & 402 PL / LK 4517 A & 4514 A	39

## VIETNAM OFFICES

### **AN CUONG HEAD OFFICE**

702/1K Su Van Hanh Street, Ward 12,  
District 10, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 3862 5726  
Email: infoacc@ancuong.com

### **HCMC ONE-STOP SHOPPING CENTER**

279 Nguyen Van Troi Street, Ward 10,  
Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 3844 1884 - (84.28) 3862 5726  
Email: infoacc@ancuong.com

### **HCMC ONE-STOP SHOPPING CENTER**

39 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward,  
Thu Duc City, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 7302 1168  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AN CUONG SHOW GALLERY & DESIGN CENTER**

702/3F Su Van Hanh Street, Ward 12,  
District 10, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 3862 7414 - (84.28) 3862 5726  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AN CUONG SHOW GALLERY & DESIGN CENTER**

Block A - Happy Valley,  
816 Nguyen Van Linh Street,  
Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 7300 9822 - (84.28) 3862 5726  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AN CUONG SHOW GALLERY & DESIGN CENTER**

S5.03.01S04 Vinhomes Grand Park,  
Nguyen Xien Street, Long Thanh My Ward,  
Thu Duc City, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 7305 0568  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AN CUONG SHOW GALLERY & DESIGN CENTER**

201 Binh Duong Boulevard, Phu Tho Ward,  
Thu Dau Mot City, Binh Duong  
Tel: (84.274) 7300 117  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AN CUONG SHOW DEPOT 2**

Section No. 2, Lot 5-1, M12 Street,  
Extended Tan Binh Industrial zone, Binh Hung  
Hoa ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.28) 3620 5633 - (84.28) 3620 5635  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AN CUONG FACTORY OUTLET**

DT 747 B Phuoc Hai Quarter, Thai Hoa Ward,  
Tan Uyen City, Binh Duong  
Tel : (84.274) 362 6282  
Email: infoacc@ancuong.com

### **DAT CUOC SHOW GALLERY & DESIGN CENTER**

Lot A17, KSB Industrial Zone – Zone B,  
Dat Cuoc Ward, Bac Tan Uyen District,  
Binh Duong  
Email: infoacc@ancuong.com

### **HA NOI SHOW GALLERY & DESIGN CENTER**

Villa C4-N08-B, Dich Vong New Urban Area,  
Cau Giay District, Ha Noi  
Tel: (84.24) 6281 4719  
Email: infoacc@ancuong.com

### **HA NOI ONE-STOP SHOPPING CENTER**

10 Chuong Duong Do Street,  
Chuong Duong Ward, Hoan Kiem District, Ha Noi  
ĐT: (84.24) 3936 3388  
Email: infoacc@ancuong.com

### **DA NANG ONE-STOP SHOPPING CENTER**

451 Dien Bien Phu Street,  
Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang  
Tel: (84.236) 730 7899  
Email: infoacc@ancuong.com

## INTERNATIONAL OFFICES

### **MALAYSIA OFFICE**

No.5, Jln SL17/14, Goodview Bdr Sg Long,  
43000 Kajang, Selangor  
Tel: +60 12 290 6486  
Email: infoacc@ancuong.com

### **JAPAN OFFICE VIA SUMITOMO FORESTRY GROUP**

Timber & Building Materials Division  
Business Planning Department,  
Keidanren Kaikan,  
3-2, Otemachi 1-chome, Chiyoda-ku ,  
Tokyo 100-8270, Japan  
Tel: (+81) 3 3214 3280 - (+84) 902 374 511  
Email: kamibayashiyama@ancuong.com

### **CANADA OFFICE**

Nr 30 Prennan Avenue, Toronto, Ontario,  
M9b 4b8, Canada  
Tel: + 1437 345 6068 (Mr Tuan Nguyen)  
Email: infoacc@ancuong.com

### **AMERICAN OFFICE VIA SUMITOMO FORESTRY GROUP**

121 3rd Ave, Kirkland,  
Washington 98033 USA  
Tel: (425)429-1889  
Email: miuchi@sfcus.com

### **AUSTRALIA OFFICE VIA ANTRY PTY LTD**

45 Welshpool Road,  
Welshpool Western Australia 6106  
Tel: (+61) 8 9472 8131 - (+61) 4 1237 4767  
Email: edmund@antry.com.au

### **AUSTRALIA OFFICE VIA LAGOME PTY LTD**

10/2 Fastline Road, Truganina VIC 3029,  
Australia  
Tel: +61 1300 609 688  
+61 416 885 995 (Mr Bruce Tu)  
Email: info@lagome.com.au  
Website: www.lagome.com.au

### **CAMBODIA OFFICE AND SHOWROOM**

No. 98, Borey Chip Mong Land mark 271,  
Prek Ta Kong Village, Sangkat Chak Angre Leu,  
Khan Meanchey, Phnom Penh  
Tel: +855 887540918  
Hotline : +855 712683683  
Email: infoacc@ancuong.com

## VIDEO HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT CỬA





TẢI APP AC LIBRARY ĐỂ QUÉT QR CODE BÊN TRONG  
INSTALL AC LIBRARY TO SCAN QR CODE INSIDE



HOTLINE: 1900 6944

[www.ancuong.com](http://www.ancuong.com)  
[fb.com/ancuongcompany](https://fb.com/ancuongcompany)